

Bản án số: 11/2025/KDTM-ST
Ngày 29-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng kinh tế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Bà Phạm Thị Kim Thu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLST-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng kinh tế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần L; địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà L, số 56 phố T, phường Tr, quận N, Thành phố Hà Nội (nay là tòa nhà L, số 56 phố T, phường Đ, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Đăng G - Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần L, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền ngày 08/10/2024); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Kim Thoa – Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QTC thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần L; địa chỉ trụ sở: Km, quốc lộ , phường H, quận H, thành phố Hải Phòng (nay là Km , quốc lộ , phường H, thành phố Hải Phòng).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Văn phòng Luật sư Nguyên và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, đại diện: Ông Trần Đình Huy Hoàng và ông Nguyễn Anh Hải – Nhân viên (theo Quyết định phân công số 08/2025/QĐ-LS ngày 29/9/2025), là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Hợp đồng ủy quyền số 1209/UQ-LISEMCO ngày 12/9/2025); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Trung Nguyên, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyên và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Việt Kh, sinh năm 1973; địa chỉ thường trú: số 25, ngõ 13, đường L, phường V, thành phố Hà Nội (nguyên là Giám đốc Công ty Cổ phần L); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần L (gọi tắt là Công ty L) và Công ty Cổ phần L (gọi tắt là Công ty L) có ký 02 Hợp đồng kinh tế bao gồm:

Hợp đồng số 006/HĐKT-2012 ngày 28/02/2012 về việc “Lắp đặt kết cấu thép nhà Turbine (từ trục số 12 đến trục số 19 bao gồm từ trục A đến hết trục B) dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1”. Giá trị hợp đồng là 7.705.270.627 đồng (theo biểu giá chi tiết tại Phụ lục số 01 ngày 28/02/2012, tuy nhiên giá trị hợp đồng đã được sửa đổi lại theo Phụ lục số 02 ngày 06/10/2016 là 6.715.009.552 đồng).

Ngày 17/06/2012, Công ty L và Công ty Cổ phần L đã ký Hợp đồng số 37/HĐKT-2012 về việc “Gia công chế tạo kết cấu thép lò hơi cho Dự án Nhà máy điện BARH STPP 3x660MW”. Giá trị hợp đồng là 14.331.240.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện 02 hợp đồng kinh tế nói trên, Công ty L đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo đúng tiến độ đã cam kết, nhưng Công ty Cổ phần L nhiều lần chậm nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng. Tính đến nay, Công ty Cổ phần L còn nợ Công ty L số tiền là 6.044.182.970 đồng.

Chi tiết cụ thể Hợp đồng số 006/HĐKT-2012 ngày 28/02/2012 là: Giá trị hợp đồng: 6.715.009.552 đồng, giá trị quyết toán: 6.484.357.409 đồng, giá trị hoàn thành đợt 1 (đã nghiệm thu, đã xuất hóa đơn) 3.465.956.674 đồng, giá trị L đã được thanh toán cho phần xuất hoá đơn đợt 1 là 2.286.698.225, giá trị hoàn thành đợt 2 (Do giá trị hoàn thành đợt 1, Công ty L xuất hóa đơn đã gần 10 năm mà Công ty L vẫn chưa thanh toán đầy đủ, nên phần giá trị còn lại L chưa xuất hóa đơn. Đến ngày 21/10/2024, L đã xuất hóa đơn) là 3.018.400.735 đồng, giá trị còn lại L chưa được thanh toán 4.197.659.184 đồng.

Chi tiết cụ thể Hợp đồng số 37/HĐKT-2012 là: Tổng giá trị hợp đồng là 14.331.240.000 đồng; giá trị hoàn thành đợt 1 (đã nghiệm thu, đã xuất hóa đơn) là 2.842.183.460 đồng; giá trị L đã được thanh toán cho lần xuất hoá đơn đợt 1 là 1.915.190.249 đồng; giá trị hoàn thành đợt 2 (Do giá trị hoàn thành, Công ty L xuất hóa đơn lần 1 đã gần 10 năm mà L vẫn chưa thanh toán đầy đủ, nên phần giá trị lần 2 L chưa xuất hóa đơn nhưng ngày 21/10/2024, L đã xuất hóa đơn) là 919.530.575 đồng. Tổng giá trị hoàn thành là 3.761.714.035 đồng. Giá trị còn lại L chưa được thanh toán là 1.846.523.786 đồng.

Công ty L đã nhiều lần yêu cầu Công ty Cổ phần L thanh toán số tiền còn nợ, nhưng Công ty Cổ phần L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Công ty L đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng buộc Công ty Cổ phần L phải thanh toán cho Công ty L tổng số tiền còn nợ của 02 Hợp đồng kinh tế nói trên là **6.044.182.970 đồng** (Trong đó số tiền còn nợ của Hợp đồng số 006/HĐKT-2012 là 4.197.659.184 đồng; số tiền còn nợ của Hợp đồng kinh tế 37/HĐKT-2012 là 1.846.523.786 đồng).

Về án phí: Công ty Cổ phần L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Việt Kh - nguyên là Tổng giám đốc Công ty Cổ phần L, là người trực tiếp ký 02 hợp đồng trên với nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 73, Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án ghi rõ trong bản án buộc ông Trần Việt Kh và tất cả các cổ đông của Công ty Cổ phần L phải có trách nhiệm liên đới trả tiền cho Công ty L, tương đương với toàn bộ giá trị cổ phần có trong Công ty Cổ phần L khi tài sản của Công ty Cổ phần L không đủ để thi hành án cho Công ty L, vì theo quy định tại khoản 1 Điều 110 của Luật Doanh nghiệp 2014 (có hiệu lực ngày 01/7/2015) cổ đông chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn là Công ty Cổ phần L trình bày: Công ty Cổ phần L (gọi tắt Công ty Cổ phần L) xác nhận có ký 02 Hợp đồng kinh tế với Công ty L (gọi tắt là Công ty L) bao gồm:

Hợp đồng số 006/HĐKT-2012 ngày 28/02/2012 về việc lắp đặt kết cấu thép nhà Turbine (từ trục số 12 đến trục số 19 bao gồm từ trục A đến hết trục B) dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1. Giá trị hợp đồng là 7.705.270.627 đồng (theo bieru gí chi tiết tại Phụ lục số 01 ngày 28/02/2012, tuy nhiên giá trị hợp đồng đã được sửa đổi lại Phụ lục số 02 ngày 06/10/2016 là 6.715.009.552 đồng).

Ngày 17/06/2012, Công ty L và Công ty Cổ phần L đã ký Hợp đồng số 37/HĐKT-2012 về việc gia công chế tạo kết cấu thép lò hơi cho Dự án Nhà máy điện BARH STPP 3x 660MW. Giá trị hợp đồng là 14.331.210.000đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L đã thực hiện đúng theo như hợp đồng đã ký kết. Nay Công ty L đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần L phải thanh toán cho Công ty L tổng số tiền còn nợ của 02 Hợp đồng kinh tế là **6.044.182.970 đồng** (trong đó số tiền còn nợ của Hợp đồng số 006/HĐKT-2012 là 4.197.659.184; số tiền còn nợ của Hợp đồng kinh tế 37/HĐKT-2012 là 1.846.523.786 đồng), Công ty Cổ phần L đồng ý với yêu cầu này của Công ty L. Công ty Cổ phần L cũng đang nỗ lực tìm nguồn thu để trả cho Công ty L số tiền còn nợ là **6.044.182.970 đồng**. Tuy nhiên, hiện Công ty Cổ phần L đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính nên Công ty Cổ phần L xin gia hạn thời gian xét xử để Công ty đàm phán với Công ty L để có phương án trả nợ phù hợp.

Bị đơn đề nghị Tòa án thu thập thêm 02 “hợp đồng chính” là Hợp đồng số 41/CNSH-LICO ký ngày 06/12/2010 giữa Chi nhánh TCT Sông Hồng tại Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH MTV chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng và Hợp đồng kinh tế số 53051102300 ký ngày 17/3/2011 giữa Công ty Technopromexport-TPE với Công ty TNHH MTV chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng, nay là Công ty Cổ phần L để thực hiện đối chiếu, xem xét về hiệu lực của 02 hợp đồng này.

Về án phí: Công ty Cổ phần L đề nghị Tòa án xem xét giảm án phí do Công ty Cổ phần L đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Việt Kh trình bày:
Năm 2004, ông được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty chế tạo thiết bị và đóng tàu HP (L), sau đó được đổi tên thành Công ty TNHH MTV chế tạo thiết bị và đóng tàu HP và sau này tiếp tục đổi tên thành Công ty Cổ phần L. Các hợp đồng giữa Công ty Cổ phần L với các đối tác, khách hàng nói chung và với L nói riêng được ký kết theo quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế của Công ty. Ông chỉ là người đại diện cho Công ty ký tên vào hợp đồng theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Các quyền, nghĩa vụ phát sinh hoặc liên quan đến hợp đồng là quyền, nghĩa vụ của pháp nhân Công ty Cổ phần L, không phải quyền, nghĩa vụ của cá nhân người đại diện theo pháp luật. Bản thân ông cũng không có cam kết bảo lãnh hay nghĩa vụ tài sản cá nhân nào liên quan đến các hợp đồng tranh chấp. Từ năm 2017 ông không còn là Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần L và nay ông cũng không còn làm việc hay giữ chức vụ bất kỳ chức vụ nào khác tại Công ty Cổ phần L.

Nay Công ty L và Công ty Cổ phần L tranh chấp các hợp đồng kinh tế, đây là vấn đề tranh chấp giữa 02 doanh nghiệp. Việc giải quyết tranh chấp này không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông. Do đó, ông không phải là người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng xem xét không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nói trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xác định tư cách đương sự, người tham gia tố tụng: Cơ bản đã đảm bảo đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc Tòa án xác định ông Trần Việt Kh – nguyên Tổng giám đốc Công ty Cổ phần L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ. Vì tại thời điểm ký 02 hợp đồng kinh tế tranh chấp nói trên ông Kh chỉ là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần L nên các quyền và nghĩa vụ phát sinh theo 02 hợp đồng này là quyền và nghĩa vụ của pháp nhân Công ty Cổ phần L, không phải là quyền và nghĩa vụ cá nhân của người đại diện theo pháp luật; bản thân ông Kh không thực hiện nghĩa vụ cam kết, bảo lãnh hay có nghĩa vụ tài sản cá nhân nào liên quan đến các hợp đồng kinh tế này và hiện ông Khánh cũng không còn làm việc tại Công ty Cổ phần L nên việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ cá nhân của ông Kh.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 184, Điều 185, khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/5/2025 của Quốc hội; các điều 121, 122, 302, 305, 401, 402, 403, 405 Bộ luật dân sự 2005; Điều 317 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ là: **6.044.182.970 đồng** (Bằng chữ: Sáu tỷ, không trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm bảy mươi đồng).

2. Không chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc buộc tất cả các cổ đông của Công ty Cổ phần L phải liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

3. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về hợp đồng kinh tế giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng Tòa án kinh tế thành phố Hải Phòng là cơ quan giải quyết tranh chấp giữa hai bên; thỏa thuận này của các bên không phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết tranh chấp để thụ lý. Bị đơn là Công ty Cổ phần L có địa chỉ trụ sở: Km, Quốc lộ , phường H, quận H, thành phố Hải Phòng (nay là Km , Quốc lộ , phường H, thành phố Hải Phòng) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/5/2025 của Quốc hội.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa, bị đơn đề nghị hoãn phiên tòa nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh sự vắng mặt của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị tạm ngừng phiên tòa của nguyên đơn; căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận hoãn phiên tòa của bị đơn; căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần L phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền **6.044.182.970 đồng**, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Hợp đồng kinh tế số: 006/HĐKT-2012 ngày 28/02/2012 về việc “Lắp đặt kết cấu thép nhà Turbine (từ trục số 12 đến trục số 19 bao gồm từ trục A đến hết trục B) dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1” và Hợp đồng số 37/HĐKT-2012 ngày 17/06/2012 về việc “Gia công chế tạo kết cấu thép lò hơi cho Dự án Nhà máy điện BARH STPP 3x 660MW” đã ký giữa Công ty L và Công ty Cổ phần L được thể hiện bằng văn bản; chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là những

người có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; vì vậy, hợp đồng có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các điều 121, 122, 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận bị đơn có ký kết 02 hợp đồng kinh tế nói trên, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn, cụ thể hiện bị đơn còn nợ của nguyên đơn tổng số tiền là **6.044.182.970 đồng** (trong đó Hợp đồng số 006/HĐKT-2012 số tiền là 4.197.659.184; Hợp đồng kinh tế 37/HĐKT-2012 là 1.846.523.786 đồng) nên đây thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là Công ty Cổ phần L phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là **6.044.182.970 đồng** là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Việt Kh - nguyên là Tổng giám đốc Công ty Cổ phần L, là người trực tiếp ký 02 hợp đồng trên với nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 73, Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án ghi rõ trong bản án buộc ông Trần Việt Kh và tất cả các cổ đông của Công ty Cổ phần L phải có trách nhiệm liên đới trả tiền cho Công ty L tương đương với toàn bộ giá trị cổ phần có trong Công ty Cổ phần L khi tài sản của Công ty Cổ phần L không đủ để thi hành án cho Công ty L, vì theo quy định tại khoản 1 Điều 110 của Luật Doanh nghiệp 2014 (có hiệu lực ngày 01/7/2015) cổ đông chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp. Hội đồng xét xử thấy tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần L phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ của 02 hợp đồng kinh tế nói trên cho nguyên đơn. Vì vậy, ý kiến trên của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Hơn nữa tại Công văn số 288/CV-ĐKKD ngày 09/6/2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở tài chính thành phố Hải Phòng cung cấp thông tin như sau: “Công ty Cổ phần L (mã số doanh nghiệp 0200169677) được Phòng Đăng ký kinh doanh thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 27/12/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 09/10/2023; tình trạng pháp lý “*Đang hoạt động*”” nên nghĩa vụ này là nghĩa vụ của Công ty Cổ phần L.

[4] Trong vụ án này, nguyên đơn và bị đơn chỉ tranh chấp với nhau về điều khoản thanh toán, điều này đã được đề cập rõ trong 02 hợp đồng kinh tế nói trên; bị đơn cũng thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn như đã trình bày

trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Vì vậy, việc bị đơn đề nghị Tòa án thu thập thêm 02 “hợp đồng chính” là Hợp đồng số 41/CNSH-LICO ký ngày 06/12/2010 giữa Chi nhánh TCT Sông Hồng tại Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH MTV chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng và Hợp đồng kinh tế số 53051102300 ký ngày 17/3/2011 giữa Công ty Technopromexport-TPE với Công ty TNHH MTV chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng, nay là Công ty Cổ phần L là không cần thiết. Vì căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại 02 hợp đồng kinh tế đang tranh chấp nói trên và lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa thì chỉ những nội dung nào không được đề cập trong 02 hợp đồng kinh tế này thì mới căn cứ theo “hợp đồng chính” để thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của bị đơn.

[5] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần L có ý kiến: Hiện Công ty Cổ phần L đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính nên Công ty xin gia hạn thời gian xét xử để Công ty đàm phán với Công ty L để có phương án trả nợ phù hợp. Hội đồng xét xử thấy, tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa Chủ tọa phiên tòa đã hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án không, nhưng người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn và cho bị đơn đều trả lời là không thỏa thuận được nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến này của bị đơn.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án đưa ông Trần Việt Kh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm ký kết 02 hợp đồng kinh tế nói trên ông Trần Việt Kh là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng (L) (sau đó được đổi tên thành Công ty TNHH MTV chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng và sau này tiếp tục đổi tên thành Công ty Cổ phần L) nên ông Kh ký tên vào hợp đồng là hoàn toàn phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Các quyền, nghĩa vụ phát sinh hoặc liên quan đến hợp đồng là quyền, nghĩa vụ của pháp nhân Công ty Cổ phần L, không phải quyền, nghĩa vụ của cá nhân người đại diện theo pháp luật. Nội dung của 02 hợp đồng này không có điều khoản nào thể hiện ông Kh là người bảo lãnh hay có nghĩa vụ tài sản cá nhân. Hiện ông Kh không còn là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần L và cũng không còn làm việc hay giữ chức vụ bất kỳ chức vụ nào khác tại Công ty Cổ phần L.

Tranh chấp các hợp đồng kinh tế nói trên là tranh chấp giữa Công ty L với Công ty Cổ phần L (tranh chấp giữa 02 doanh nghiệp). Việc giải quyết tranh chấp này không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Kh. Vì vậy, việc ông Kh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng xem xét không đưa ông Kh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nói

trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Việc bị đơn đề nghị đề nghị Tòa án xem xét giảm án phí do bị đơn đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính; đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận đề nghị này của bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/5/2025 của Quốc hội; các điều 121, 122, 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 317 của Luật Thương mại 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần L phải trả cho Công ty L số tiền là: **6.044.182.970 đồng** (Bằng chữ: Sáu tỷ, không trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm bảy mươi đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần L phải chịu 114.044.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (đã được làm tròn).

- Trả lại Công ty L số tiền 57.013.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu, không trăm mười ba nghìn đồng), là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002654 ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 3 – Hải Phòng;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bình

